

Số: 135 /TTr-UBND

Kbang, ngày 16 tháng 7 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v xử lý kết dư năm 2020 chuyển vào dự toán 2021.

Kính gửi: - Hội đồng nhân dân huyện khóa VIII-kỳ họp thứ hai;

Căn cứ Luật ngân sách số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 của Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Thông báo kết luận số 227-TB/HU ngày 06/5/2021 của huyện ủy Kbang về bố trí nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2020 vào dự toán năm 2021;

UBND huyện báo cáo và đề nghị Hội đồng nhân dân huyện khóa VIII-kỳ họp thứ hai xem xét phê duyệt, xử lý kết dư năm 2020 vào dự toán năm 2021 như sau:

1. Tổng nguồn kết dư năm 2020 chuyển sang năm 2021: 48.003.849.927 đồng.

Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ, không trăm linh ba triệu, tám trăm bốn mươi chín ngàn, chín trăm hai mươi bảy đồng.

2. Kết dư chuyển sang dự toán năm 2021: 48.003.849.927 đồng;

2.1 Bố trí các danh mục đã được HĐND thống nhất: 21.031.850.000 đồng;

- Dự toán 2021 đã bố trí vốn các danh mục đầu tư 2021: 16.402.850.000 đồng;
- Danh mục đầu tư đã được Hội đồng nhân dân huyện quyết định, dự toán chưa bố trí vốn: 1.169.000.000 đồng;

- Bố trí danh mục đã được HĐND huyện quyết định đầu tư trong năm 2021 nhưng chưa bố trí vốn: 3.460.000.000 đồng.

2.2. Các nguồn, nhiệm vụ chi năm 2020 bố trí lại 2021: 21.302.882.991 đồng;

2.3. Kết dư bố trí các nhiệm vụ phát sinh năm 2021: 5.669.116.936 đồng;

(Chi tiết có bảng phụ lục kèm theo).

UBND huyện đề nghị Hội đồng nhân dân huyện khóa VIII-kỳ họp thứ hai cho ý kiến để UBND huyện làm cơ sở triển khai thực hiện. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT UBND huyện;
- Phòng Tài chính-KH;
- Lưu: VT, VP, TH.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH**



XỬ LÝ KẾT DƯ NGÂN SÁCH SÁCH NĂM 2020 SANG NĂM 2021

(Kèm theo Tờ trình số 135 /TTr-UBND ngày 16 /7/2021 của UBND huyện)

ĐVT: đồng

S TT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4
A	Bố trí kết dư các danh mục đã được HĐND huyện thống nhất	21.031.850.000	
I	Kết dư bố trí các danh mục đầu tư năm 2021 đã được HĐND huyện thống nhất	16.402.850.000	
1	Chi quốc phòng: BCH Quân sự	1.600.000.000	
-	Nguồn tăng thu dự toán so với thực hiện năm 2020 chuyển sang: Kinh phí hỗ trợ xây dựng các công trình chiến đấu, phục vụ chiến đấu	1.600.000.000	Tổng mức vốn bố trí 3 tỷ, trong đó đã bố trí từ nguồn 50% tăng thu cân đối ngân sách năm 2021 so với năm 2017 là 1,4 tỷ.
2	Chi thường xuyên	14.802.850.000	
2.1	Sự nghiệp kinh tế	163.650.000	
-	Kinh phí quản lý bảo vệ rừng cấp huyện trên địa bàn huyện	163.650.000	
+	Kinh phí đảm bảo hoạt động của lực lượng làm nhiệm vụ xử phạt VPHC từ ngày 01/6/2020 đến ngày 30/11/2020 và hoạt động của tổ tuần tra, truy quét liên ngành huyện thực hiện nhiệm vụ từ 12/01 đến 31/3/2021	79.020.000	
+	Kinh phí kiểm tra kiểm soát, truy quét lâm tặc trước, trong và sau tết Nguyên Đán	38.000.000	
+	Kinh phí hỗ trợ hoạt động BCD, quản lý bảo vệ rừng năm 2020	46.630.000	
2.2	Sự nghiệp văn hóa thông tin - truyền thanh	472.840.000	
-	Duy tu, sửa chữa nhà lưu niệm Anh Hùng Núp	286.786.000	
-	Sửa chữa di tích Khu 10 xã Krong	186.054.000	
2.3	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.718.510.000	
-	Các đơn vị trường học: Chi lương và các khoản có tính chất lương	4.209.310.000	
-	Các đơn vị trường học: Nguồn bổ sung mục tiêu chưa sử dụng hết (Kinh phí thực hiện Nghị định 86/2015/NĐ-CP)	509.200.000	
2.4	Chi nhiệm vụ an ninh, trật tự, an toàn xã hội	87.500.000	
-	Công an huyện: Hỗ trợ xây dựng, cải tạo trạm tạm giam, nhà tạm giữ	87.500.000	
2.5	Chi quản lý hành chính	3.564.000.000	
2.5.1	Văn phòng Huyện ủy	1.982.000.000	
-	Kinh phí điều hành chung và đặc thù của Thường trực	930.000.000	
-	Kinh phí hoạt động báo cáo viên	120.000.000	
-	Kinh phí mua công cụ dụng cụ	35.000.000	
-	Kinh phí thực hiện Quyết định 856-QĐ/TU (thay thế Quyết định 1132)	210.000.000	
-	Kinh phí Biên soạn lịch sử Lực lượng vũ trang giai đoạn 1945-2020 (Theo TB số 2073-TB/HU ngày 10/7/2020)	200.000.000	
-	Kinh phí hoạt động trang thông tin điện tử huyện Kbang	100.000.000	
-	Kinh phí hoạt động diễn biến hòa bình HD 39-HD/TWĐ ngày 16/10/2018	167.000.000	
-	Kinh phí mua sắm thiết bị âm thanh phòng họp BTV (Theo TB số 113-TB/HU ngày 30/11/2020)	100.000.000	
-	Kinh phí mua sắm tài sản chuyên môn	120.000.000	
2.5.2	Hội Liên Hiệp phụ nữ: Kinh phí tổ chức Đại hội và đi dự đại hội tỉnh	100.000.000	
2.5.3	Văn phòng UBND huyện	280.000.000	
-	Kinh phí điều hành chung và đặc thù của Thường trực	280.000.000	
2.5.4	Văn phòng HĐND huyện	1.002.000.000	

S TT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí điều hành chung và đặc thù của Thường trực	100.000.000	
-	Kinh phí chi hoạt động của HĐND huyện	902.000.000	
2.5.5	KP chuyển nhiệm vụ một của chuyển qua bưu điện	200.000.000	
2.6	Chi sự nghiệp môi trường	5.700.000.000	
-	Các nhiệm vụ môi trường: Hỗ trợ làm nhà vệ sinh các trường học, thu gom xử lý rác thải	4.160.000.000	
+	Phòng giáo dục và đào tạo, các đơn vị trường học: Sửa chữa, mở rộng nhà vệ vệ sinh học sinh, giáo viên viên năm 2021	1.320.000.000	
+	Sửa chữa nhà vệ sinh UBND huyện	200.000.000	
+	Xử lý, thu gom nước thải các hộ dân tại chợ Kbang (làm đoạn từ đường Hồ Xuân Hương đến Ngõ Mây)	88.138.000	
+	Mở rộng bãi rác thải xã Đông, huyện Kbang	800.000.000	
+	Các nhiệm vụ môi trường	1.751.862.000	
-	Các nhiệm vụ môi trường khác	1.540.000.000	
2.7	Bổ trí lại nguồn CCTL (70% tăng thu thực hiện 2019 để CCTL theo kiến nghị của kiểm toán nhà nước khu vực XII)	96.350.000	Bán lâm sản tịch thu
II	Bổ trí các danh mục đã được HĐND Quyết định đầu tư 2021 dự toán chưa bố trí vốn	1.169.000.000	
-	Nguồn tiền sử dụng đất: Nâng cấp mở rộng đường Lê Văn Tám (đoạn Lê Lợi - Cầu Lê Văn Tám)	1.169.000.000	Tổng mức đầu tư 12,069 tỷ; đã bố trí 10,9 tỷ; còn lại bố trí tiền sử dụng đất 1.169 trđ
III	Bổ trí các danh mục đã được HĐND Quyết định đầu tư trong năm 2021 theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 30/3/2021 của UBND tỉnh V/v phê duyệt dự án bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai tại làng Kon Bông, xã Đăkrong	3.460.000.000	
-	Đối ứng thực hiện Dự án ổn định dân cư vùng thiên tai tại xã Đăk Rong, huyện Kbang theo Nghị quyết 06/NQ-HĐND ngày 28/01/2021 (Tổng mức đầu tư tỉnh phê duyệt 20,460 trđ; Chi phí bồi thường mặt bằng xây dựng và tái định cư; HT di dời 20 triệu đồng/hộ, quy hoạch: 3,46 tỷđ NS tỉnh hỗ trợ 17 tỷđ)	3.460.000.000	Nguồn: tiết kiệm 10% theo Nghị quyết 84/NQ-CP để thực hiện về tình huống khẩn cấp đối với các dự án di dân khỏi vùng có nguy cơ sạt lở, thiên tai 2.199 trđ và Đảm bảo xã hội được phân cấp ổn định năm 2020 chuyển sang 1.261 trđ
+	Đền bù giải phóng mặt bằng	1.397.342.000	
+	Quy hoạch chi tiết xây dựng sắp xếp, bố trí lại dân cư làng Kon Bông	259.696.000	
+	Hỗ trợ di dời công trình, vật kiến trúc,	1.802.962.000	
B	Kết dư bố trí lại	21.302.882.991	
I	Nguồn bổ sung có mục tiêu bố trí trả ngân sách tỉnh	1.707.719.086	
1	Vốn tỉnh hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (tiết kiệm qua đấu thầu)	22.046.000	
-	Mở rộng đường xã Sơ Pài (đoạn trung tâm xã)	22.046.000	
2	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy, học cho các trường tiểu học, trung học cơ sở	2.574.000	
3	Đường tuần tra nội bộ khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, xã Sơn Lang	146.616.000	
4	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	423.864.590	
4.1	Văn phòng điều phối chương trình nông thôn mới	82.077.554	
-	Hỗ trợ cơ quan chỉ đạo các cấp và VP NTM	31.077.554	
-	Nâng cao năng lực cho cán bộ XD NTM	40.000.000	
-	Xây dựng đề án NTM giai đoạn 2021-2025	11.000.000	
4.2	Phòng Lao động TBXH (đào tạo)	51.060.000	
4.3	Phòng Nông nghiệp và PTNT	250.302.000	
-	Hỗ trợ PTSX liên kết theo chuỗi giá trị	250.302.000	
+	Dự án trồng cây ăn quả mít thái	103.500.000	
+	Dự án trồng cây dược liệu	136.832.300	
+	Dự án trồng cây công nghiệp dài ngày (cà phê chè, cà phê vối)	2.654.700	

S TT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
+	Dự án trồng cây mắc ca	7.315.000	
4.4	Thu hồi qua công tác thanh tra	40.425.036	
-	Kinh phí chương trình MTQG giai đoạn 2016-2020 tại 02 xã Lơ Ku, Đăk rong	40.425.036	
5	Kinh phí thực hiện tiêm phòng Vacxin lở mồm long móng năm 2020	100.000	
6	Phòng Lao động TB&XH: PC hàng tháng cộng tác viên giảm nghèo theo NQ số 83/2018/NQ-HĐND của HĐND tỉnh	9.980.000	
7	Kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa - Công trình thủy lợi Đê bar xã Tơ Tung	17.847.000	
8	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em học mẫu giáo 3,4,5 tuổi	146.511.000	
9	KP chi trả học bổng và mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật theo TTLT số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	11.728.796	
10	Cấp bù miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP	540.603.700	
11	Chênh lệch học bổng HS dân tộc Nội trú theo Thông tư liên tịch 43/2007/TTLT-BTC-BGD&ĐT	3.360.000	
12	Mua sắm trang thiết bị, dụng cụ dạy, học cho các trường tiểu học, trung học cơ sở	74.039.000	
13	Hỗ trợ đào tạo tập huấn công chức cấp xã theo Quyết định 124/QĐ-TTg	26.001.000	
14	Kinh phí thực hiện Thông tư 42/2013/TTLT- học sinh khuyết tật	10.000.000	
15	Kinh phí bổ sung mục tiêu tiền điện hộ nghèo năm 2020	272.448.000	
II	Kết dư bố trí lại các nội dung	19.595.163.905	
1	Nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán năm 2020 chuyển sang	1.122.236.440	
-	Kinh phí xây dựng nhà làm việc xã đội xã Đăk Smar	600.000.000	
-	Xây dựng nhà Công an xã Sơn Lang	400.000.000	Dự toán xây dựng 600 trđ, tỉnh hỗ trợ 200 triệu đồng năm 2020 chưa thực hiện, bố trí thêm 400 trđ
-	Kinh phí đối ứng công trình: Cầu thép làng Điện Biên xã Sơn Lang; Hạng mục: Sửa chữa Mặt cầu thép và gia cố mái Taluy, mặt đường BTXM (Tổng dự toán 491,797 trđ, trong đó nguồn hỗ trợ của Bộ Khoa học công nghệ: 380 trđ, NS huyện đối ứng 111,797 trđ)	111.797.000	
-	Nguồn tăng thu thực hiện so với dự toán năm 2020 chuyển sang	10.439.440	
2	Nguồn xây dựng cơ bản tập trung	975.295.000	phân khai cụ thể
3	Nguồn tiền sử dụng đất	4.301.590.776	
-	10% số thu tiền SDĐ để đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định	4.094.023.827	
+	Kinh phí đo đạc, lập bản đồ địa chính; đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại khu 152 - khu xã nghĩa an - huyện Kbang	497.827.000	
+	10% số thu tiền SDĐ để đo đạc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định	3.596.196.827	
-	Bố trí các công trình, bồi thường, giải phóng mặt bằng	207.566.949	
4	Tỉnh Bổ sung có mục tiêu	4.080.842.524	
4.1	Nguồn thực hiện chương trình MTQG XDNTM	1.157.300.000	
-	Kinh phí quy hoạch vùng huyện	339.585.000	Tỉnh đồng ý bố trí lại mới thực hiện tiếp
-	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (Dự án trồng rừng sản xuất - keo lai, bạch đàn)	817.715.000	Tỉnh đồng ý bố trí lại mới thực hiện tiếp
4.2	Chi cho các Đối tượng bảo trợ Xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP của Chính phủ	2.547.118.000	
-	Năm 2018 trở về trước	1.283.914.000	
-	Năm 2019 chuyển sang	1.200.187.000	
-	Năm 2020	63.017.000	

S TT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
4.3	Kinh phí thực hiện chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ năm 2020 và bổ sung kinh phí còn thiếu năm 2019 theo Công văn số 181/UBND-KTTH ngày 05/02/2021 của UBND tỉnh	78.300.000	
4.4	Hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở xã, thôn ĐBK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP	101.724.524	phân khai đơn vị cụ thể
4.5	KP Hỗ trợ thăm, tặng phẩm, cung cấp thông tin, tập huấn cho người có uy tín trong đồng bào DTTS trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo Quyết định số 18/2011/QĐ-TTg và Quyết định 56/2013/QĐ-TTg	126.400.000	
4.6	Kinh phí duy tu sửa chữa khu di tích vụ thăm sát nhân dân làng tân lập xã Đăk Hlơ	70.000.000	
5	Đảm bảo xã hội	811.396.000	
-	Chi đảm bảo xã hội theo đề án đã phân cấp theo định mức ổn định đề án năm 2017-2020	811.396.000	
6	Quản lý hành chính	1.563.450.000	
6.1	Kinh phí mua xe ô tô phục vụ công tác của Văn phòng Hội đồng nhân dân huyện và UBMT tổ quốc huyện	800.000.000	Tổng kinh phí 1,9 tỷ: trong đó dự toán năm 2021: 1.100 trđ; kết dư bố trí 800 trđ
-	Kinh phí giảm chi TX do sáp nhập 57 thôn, làng, tổ dân phố	800.000.000	
6.2	Kinh phí mua sắm hệ thống camera, trang thiết bị Văn phòng Hội trường của VP Huyện ủy theo Thông báo số 160/TB-HU ngày 22/12/2020	350.000.000	Tổng nhu cầu 450 trđ, đã bố trí 100 trđ đầu năm
-	Kinh phí giảm chi TX do sáp nhập 57 thôn, làng, tổ dân phố	297.250.000	
-	Quản lý hành chính	52.750.000	
6.3	Đầu tư thiết bị, đường truyền trực tuyến của văn phòng Huyện ủy và các xã, thị trấn theo Thông báo Kết luận số 1023-TB/TU ngày 12/9/2018 của Tỉnh Ủy Gia Lai và Tờ trình của VPHU kbang (Tổng kinh phí dự kiến 3.039 trđ, thanh toán trong 03 năm, mỗi năm 1.013 trđ) - Kinh phí giao văn phòng Huyện ủy năm 2020 chưa sử dụng chuyển sang năm 2021	366.200.000	
6.4	Chưa bố trí	47.250.000	
7	Sự nghiệp kinh tế	1.633.030.221	
7.1	Quy hoạch	477.000.000	
-	Quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn theo Nghị quyết số 79/NQ-HĐND của HĐND huyện	477.000.000	Năm 2019 bố trí 1 tỷ đồng để thực hiện, còn lại tiếp tục bố trí
7.2	Chi từ tiền thuê mặt đất, mặt nước	141.734.221	
-	Bổ trí trích 10% đo đạc	141.734.221	
7.3	Quy hoạch chi tiết xây dựng thị trấn theo NQ số 79/NQ-HĐND ngày 24/7/2019 của HĐND huyện	1.000.000.000	Năm 2020 chưa thực hiện tiếp tục bố trí quy hoạch Tây Sông Ba
7.4	NS huyện đối ứng 20% kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ chăn nuôi nông hộ theo Quyết định 50/2014/QĐ-TTG của thủ tướng CP	14.296.000	
8	Sự nghiệp giáo dục và đào tạo	2.376.324.985	
8.1	Học bổng học sinh dân tộc nội trú bố trí trong cân đối	896.768.000	
8.2	Sửa chữa phòng học, phòng làm việc thiệt hại, hư hỏng do mưa bão trường Mẫu giáo Lơ Ku	45.000.000	Tổng Dự toán 150 trđ, nguồn quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh đã hỗ trợ 105 trđ
8.3	Xây dựng nhà công vụ Trường Tiểu học và THCS Trại Lập	50.000.000	Tổng dự toán 240 triệu đồng, học phí 190 trđ, kết dư bố trí 50 trđ
8.4	Đối ứng ngân sách huyện để sửa chữa, nâng cấp 02 phòng công vụ và phòng y tế trường TH Hoàng Hoa Thám	150.000.000	Tổng Dự toán 390 trđ, nguồn quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh đã hỗ trợ 240 trđ
8.5	Kinh phí mua thiết bị dạy học bậc TH và bậc THCS (theo chương trình sách giáo khoa mới)	1.234.556.985	Nhu cầu kinh phí 1.864 trđ
9	Sự nghiệp văn hóa thông tin	338.500.000	

S TT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
-	Kinh phí mua hệ thống âm thanh, ánh sáng phục vụ công tác tuyên truyền	338.500.000	Bổ trí dự toán năm 2020, không tổ chức mua được, chuyển sang năm 2021 thực hiện
10	Sự nghiệp khoa học công nghệ: chỉ ứng dụng khoa học công nghệ	722.171.000	
11	Sự nghiệp môi trường	600.121.108	
-	Bổ trí bổ sung kinh phí thực hiện sửa chữa nhà vệ sinh trụ sở UBND huyện, nhà khách UBND huyện (Quyết định 138/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND huyện)	187.936.000	Tổng dự toán 587.936 ngđ, đã bố trí đầu năm 400 trđ
-	Sự nghiệp môi trường còn lại chưa bố trí	412.185.108	
12	Nguồn thu hồi các khoản chi năm trước	185.394.000	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2016/NĐ-CP cho Học sinh bán trú	185.394.000	phân phai các đơn vị trường học
13	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản sử dụng theo Nghị định 164/2016/NĐ-CP	501.012.851	
14	Bổ trí lại nguồn CCTL theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực XII	383.799.000	
-	70% Tăng thu thực hiện năm 2019 để CCTL (Bán lâm sản tịch thu năm trước chuyển sang)	9.042.000	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định 116/2010/NĐ-CP	40.696.000	
-	Nguồn Kinh phí CCTL chưa bố trí	334.061.000	QLHC
C	Kết dư ngân sách còn lại tiếp tục bố trí vào dự toán năm 2021	5.669.116.936	
1	Quốc phòng An ninh	2.903.048.000	
1.1	An ninh	205.600.000	
-	Bổ sung kinh phí xây dựng thuộc nhà tạm giữ của công an huyện theo Thông báo số 217-TB/HU ngày 31/3/2021 của Huyện ủy	67.000.000	
-	Hỗ trợ kinh phí sửa chữa nhà tạm giữ phương tiện vi phạm hành chính	110.000.000	
-	Hỗ trợ thực hiện kế hoạch tăng cường công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, vi phạm luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng	28.600.000	
1.2	Quốc phòng	2.697.448.000	
-	Hỗ trợ sửa chữa doanh trại: Sở chỉ huy Huyện đội	197.448.000	
-	Bổ trí chi huấn luyện dân quân tự vệ, dự bị động viên, diễn tập cứu hộ, cứu nạn theo chỉ thị của tỉnh	2.500.000.000	Phân khai cụ thể từng nhiệm vụ
2	Sự nghiệp kinh tế	120.000.000	
-	Vía hè phía Tây Suối Đăk Lốp	120.000.000	
3	Hỗ trợ ngân sách cấp dưới	632.500.000	
-	Hỗ trợ UBND thị trấn	300.000.000	
-	Hỗ trợ UBND xã Đăk Hlơ công trình nông thôn mới (chợ và sân vận động)	332.500.000	
4	Quản lý nhà nước	1.179.199.000	
4.1	Văn phòng HĐND-UBND huyện	365.000.000	
-	Kinh phí sửa chữa, nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến huyện (bao gồm ti vi, loa, âm ly)	80.000.000	
-	Kinh phí đặc thù điều hành chung của TT UBND	50.000.000	
-	Kinh phí sửa chữa xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng HĐND-UBND huyện mới tiếp nhận từ Văn phòng UBND tỉnh	70.000.000	
-	Kinh phí sửa chữa, sơn sửa lại phần bên trong trụ sở HĐND-UBND huyện	165.000.000	
4.2	Văn phòng Huyện ủy	371.060.000	
-	Bổ sung kinh phí đặc thù và điều hành chung của Thường trực Huyện ủy năm 2021	100.000.000	
-	Kinh phí in ấn, phát hành cuốn Văn Kiện Đại hội đảng bộ huyện lần thứ IX, nhiệm kỳ 2020-2025	72.060.000	
-	Kinh phí sửa xe ô tô phục vụ công tác chung của Thường trực Huyện ủy, Ban thường vụ Huyện ủy	99.000.000	
-	Biên soạn cuốn lịch sử truyền thống lực lượng vũ trang huyện (theo thôn báo kết luận 1713-TB/HU ngày 03/3/2020 của Huyện ủy)	100.000.000	

S TT	NỘI DUNG	Số tiền	Ghi chú
4.3	Kinh phí bổ sung thực hiện bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND nhiệm kỳ 2021-2026 theo Thông báo số 218/TB-HU ngày 31/3/2021	217.225.000	
4.4	Phòng Tài nguyên môi trường	50.000.000	
-	Kinh phí chỉnh lý tài liệu lưu trữ trong năm 2021	50.000.000	
4.5	Phòng Tư pháp	175.914.000	
-	Sửa chữa nhà làm việc khu C (Theo Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của UBND huyện)	175.914.000	
5	Sự nghiệp văn hóa thông tin	240.000.000	
-	Kinh phí phát triển du lịch năm 2021	240.000.000	
6	Bố trí chi khác ngân sách năm 2021	179.822.936	
7	Bố trí dự phòng ngân sách năm 2021	414.547.000	
	Tổng Cộng (A+B+C)	48.003.849.927	

Như